TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/KDTM-ST
Ngày: 05-6-2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Cần
2. Bà Võ Thị Hồng Tươi

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thu Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Giáp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 5 và ngày 05 tháng 06 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 21/2023/TLST-KDTM ngày 21 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-KDTM ngày 14 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Q; địa chỉ: Thửa đất số 952, tờ bản đồ số 12, tổ 1, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Hoàng N, sinh năm 1990; địa chỉ: Căn 3B2 chung cư G, đường H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 06/01/2023). Có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH Ngũ Kim Y; địa chỉ: Thửa đất số 1663, tờ bản đồ số 12, đường ĐX06, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 01 năm 2023, đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 10 tháng 5 năm 2023, lời khai trong quá trình tố tụng và tại

phiên toà người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Hoàng Nhân trình bày:

Ngày 03/01/2022, Công ty TNHH Quang H (sau đây gọi tắt là Công ty Q) và Công ty TNHH Ngũ Kim Y (sau đây gọi tắt là Công ty Y) thoả thuận ký hợp đồng kinh tế số 23/HĐKT/QHP có thời hạn từ ngày 03/01/2022 đến ngày 31/12/2022. Theo thoả thuận, Công ty Quang H bán cho Công ty Y sản phẩm vải không dệt các loại với số lượng, chủng loại tuỳ theo từng đơn đặt hàng của Công ty Y. Sau khi ký hợp đồng mua bán, Công ty Quang H đã tiến hành giao hàng cho Công ty Y ba đợt vào tháng 5, tháng 6 và tháng 8 năm 2022, cụ thể như sau:

+ Đợt tháng 5 năm 2022: Công ty Q giao hàng cho Công ty Y số lượng hàng hoá theo phiếu giao hàng số No.001729 và No.001730 ngày 05/5/2022 và phiếu giao hàng số No.000608 ngày 06/5/2022. Tổng trị giá đơn hàng đã giao trong tháng 5/2022 là 194.509.296 đồng. Công ty Q đã tiến hành xuất hoá đơn giá trị gia tăng số 89 ngày 27/5/2022 và gửi cho Công ty Y.

+ Đợt tháng 6 năm 2022: Công ty Q giao hàng cho Công ty Y số lượng hàng hoá theo phiếu giao hàng số No.000776, No.001178, No.001179, No.000801 ngày 02/6/2022. Tổng trị giá các đơn hàng Công ty Q đã giao cho Công ty Y trong tháng 6/2022 là 196.611.192 đồng. Công ty Q đã tiến hành xuất hoá đơn giá trị gia tăng số 124 ngày 24/6/2022 và gửi cho C.

+ Đợt tháng 8 năm 2022: Công ty Q giao hàng cho Công ty Y số lượng hàng hoá theo phiếu giao hàng số No.001082 và No.001083 ngày 31/8/2022. Tổng trị giá các đơn hàng Công ty Q đã giao cho Công ty Y trong tháng 8/2022 là 195.336.468 đồng.

Tổng trị giá các đơn hàng Công ty Y đã nhận của Công ty Q trong tháng 5, tháng 6, tháng 8 năm 2022 là 586.456.956 đồng nhưng chưa thanh toán tiền cho Công ty Q.

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn thanh toán tiền hàng của đợt giao hàng tháng 8/2022. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền hàng của đợt giao hàng tháng 5 và tháng 6/2022, cụ thể như sau: Nợ gốc của đơn hàng tháng 5 và tháng 6 năm 2022 là 391.120.488 đồng. Nợ lãi là 34.077.428 đồng, được tính như sau: Đơn hàng tháng 5/2022 được xuất hoá đơn số 89 ngày 27/5/2022, thời gian công nợ là 30 ngày kể từ ngày xuất hoá đơn, lãi được tính từ 28/6/2022 đến ngày 29/5/2023 là 11 tháng, mức lãi suất 0.83%/ tháng, với số tiền 17.758.699 đồng; Đơn hàng tháng 6/2022 được xuất hoá đơn số 124 ngày 24/6/2022, thời gian công nợ là 30 ngày kể từ ngày xuất hoá đơn, lãi được tính từ 25/7/2022 đến ngày 29/5/2023 là 10 tháng, mức lãi suất 0.83%/ tháng, với số tiền 16.318.729 đồng. Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán là 425.197.916 đồng.

Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

- Đối với bị đơn Công ty TNHH Ngũ Kim Y:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và

hòa giải để yêu cầu bị đơn có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như cung cấp các chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không cung cấp chứng cứ cho Tòa án. Ngày 14/4/2023, Tòa án triệu tập bị đơn tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với việc nguyên đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện tại phiên toà đề nghị Toà án đình chỉ đối với một phần yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ngày 06/3/2023, Toà án nhân dân thành phố Tân Uyên nhận được Công văn số 161 ngày 03/3/2023 của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương xác định Công ty TNHH N có địa chỉ trụ sở tại thửa đất số 1663, tờ bản đồ số 12, đường ĐX 06, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Đến thời điểm Toà án tiến hành xác minh Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương chưa nhận được hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết để triệu tập bị đơn làm việc nhưng bị đơn vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc. Tòa án đã triệu tập bị đơn tham gia phiên tòa vào các ngày 04/5/2023 và 30/5/2023 nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ nên Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2.1] Xét yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại phiên toà nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn thanh toán tiền mua hàng của đợt hàng tháng 8/2022. Xét đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Toà án đình chỉ đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

[2.2] Xét yêu cầu thanh toán nợ gốc:

Xét lời trình bày của nguyên đơn xác định, ngày 03/01/2022, Công ty Q và Công ty Y ký hợp đồng kinh tế số 23/HĐKT/QHP, theo đó Công ty Q cung

cấp các loại hàng vải không dệt cho Công ty Y, thời hạn của hợp đồng từ ngày 03/01/2022 đến ngày 31/12/2022. Hai bên thoả thuận số lượng và chủng loại hàng sẽ tuỳ thuộc vào từng đợt đặt hàng của Công ty Y. Về phương thức giao hàng, sau khi nhận được yêu cầu đặt hàng của Công ty Y thì Công ty Q cho nhân viên vận chuyển hàng giao cho Công ty Y, việc chuyển giao hàng được nhân viên công ty của hai bên ký xác nhận trong phiếu giao hàng do Công ty Q lập. Sau khi giao hàng hai bên sẽ tiến hành đối chiếu công nợ và xuất hoá đơn trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày đối chiếu công nợ. Thực hiện theo thoả thuận của hợp đồng trong tháng 5, tháng 6 năm 2022, Công ty Q đã giao cho Công ty Y hai đợt hàng vào các ngày 05/5/2022, ngày 06/5/2022, ngày 02/6/2022. Công ty Y đã nhận hàng được thể hiện thông qua các phiếu giao hàng số No.001729 và No.001730 ngày 05/5/2022; phiếu giao hàng số No.000608 ngày 06/5/2022; phiếu giao hàng số No.000776, No.001178, No.001179, No.000801 ngày 02/6/2022. Công ty Q đã xuất hoá đơn giá trị gia tăng số 89 ngày 27/5/2022 cho đơn háng của tháng 5/2022 với trị giá 194.509.296 đồng và hoá đơn giá trị gia tăng số 124 ngày 24/6/2022 cho đơn hàng của tháng 6/2022 với trị giá 196.611.192 đồng. Do Công ty Y vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng nên Công ty Q yêu cầu Công ty Y phải thanh toán tổng số nợ của hai đợt hàng tháng 5 và tháng 6 là 391.120.488 đồng.

Xét hợp đồng kinh tế số 23/HĐKT/QHP ngày 03/01/2022, được giao kết giữa Công ty Q và Công ty Y là hợp pháp, thể hiện ý chí tự nguyện của hai bên nên bắt buộc hai bên phải tuân thủ điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng. Phía nguyên đơn đã giao hàng cho phía bị đơn hai đợt vào các tháng 5 và tháng 6 năm 2022 được thể hiện thông qua chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là đơn đặt hàng, phiếu giao hàng, bảng đối chiếu công nợ và các hoá đơn giá trị gia tăng. Phía bị đơn đã nhận hàng nhưng không có ý kiến phản đối về chất lượng, số lượng của hàng hoá đã giao. Các đợt giao hàng vào tháng 5 và tháng 6 năm 2022 đã có đối chiếu công nợ và xuất hoá đơn giá trị gia tăng. Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là trái quy định tại Điều 50, 55 Luật Thương mại 2005 nên việc nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ. Xét có cơ sở chấp nhận cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ tiền nợ gốc là 391.120.488 đồng.

[2.3] Đối với yêu cầu trả tiền lãi do chậm thanh toán nợ gốc: Công ty Q yêu cầu Công ty Y trả tiền lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 0.83%/tháng. Xét thấy, tại Điều 306 Luật Thương mại quy định: "*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*". Mức lãi suất như nguyên đơn yêu cầu là phù hợp quy định. Như đã phân tích ở phần trên do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả là có cơ sở chấp nhận. Do đó, Công ty Y phải thanh toán cho Công ty Q số tiền lãi là 34.077.428 đồng.

Từ những phân tích và nhận định nên trên xét có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Q, buộc Công ty Y phải thanh toán cho Công ty Q tổng số tiền là 425.197.916 đồng.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn Công ty Y phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 147, 235, 244, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 50, 55, 301, 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên Q về việc yêu cầu bị đơn Công ty TNHH N thanh toán tiền hàng tháng 8/2022 với số tiền nợ gốc là 195.336.468 đồng (Một trăm chín mươi lăm triệu, ba trăm ba mươi sáu nghìn, bốn trăm sáu mươi tám đồng) và tiền lãi là 14.591.634 đồng (Mười bốn triệu, năm trăm chín mươi một nghìn, sáu trăm ba mươi bốn đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên Q đối với bị đơn Công ty TNHH N về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty TNHH N có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH Một thành viên Q tổng số tiền 425.197.916 đồng (Bốn trăm hai mươi năm triệu, một trăm chín mươi bảy nghìn, chín trăm mười sáu đồng), bao gồm nợ gốc là 391.120.488 đồng (Ba trăm chín mươi một triệu, một trăm hai mươi nghìn, bốn trăm tám mươi tám đồng), tiền lãi chậm thanh toán là 34.077.428 đồng (Ba mươi bốn triệu, không trăm bảy mươi bảy nghìn, bốn trăm hai mươi tám đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH N phải chịu 21.007.917 đồng (Hai mươi mốt triệu, không trăm lẻ bảy nghìn, chín trăm mười bảy đồng). Hoàn trả cho Công ty TNHH Một thành viên Q số tiền 14.767.446 đồng (Mười bốn triệu, bảy trăm sáu mươi bảy nghìn, bốn trăm bốn mươi sáu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006732 ngày 20/02/2023 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Tân Uyên (nay là thành phố Tân Uyên), tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- CCTHADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Quyết